

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 13/12/2025 đến 19/12/2025)

I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ MÙA năm 2025 là 30.048,071 ha

1. Khu vực Củ Chi: 16.956,704 ha

– **Hệ thống công trình thủy lợi Kênh Đông Củ Chi:** 11.986,117 ha (Lúa: 3.403,847 ha; cây công nghiệp dài ngày...:1.690,191 ha; rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 246,708 ha; nuôi trồng thủy sản: 226,371 ha; tiêu thoát nước: 6.419,0 ha);

– **Công trình thủy lợi An Phú – Phú Mỹ Hưng:** 963,076 ha (Lúa: 24,207 ha; cây công nghiệp dài ngày: 108,977 ha; rau,màu, cây công nghiệp ngắn ngày:7,150 ha; nuôi trồng thủy sản: 4,412 ha; tiêu thoát nước: 818,330 ha);

– **Đê bao ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Thai Thai đến cầu Bến Súc:** **137,768 ha** (lúa: 2,42 ha; cây công nghiệp dài ngày: 26,741 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 1,843 ha; nuôi trồng thủy sản: 105,444 ha);

– **Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen:** **197,121 ha** (cây công nghiệp dài ngày: 41,146 ha; nuôi trồng thủy sản: 1,030 ha; tiêu thoát nước: 154,945 ha);

– **Hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến sông Lu:** **997,195 ha** (lúa: 32,485 ha; cây công nghiệp dài ngày: 297,912 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 130,963 ha; nuôi trồng thủy sản: 8,917 ha; tiêu thoát nước: 526,918 ha);

– **Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép:** **302,448 ha** (lúa: 1.186 ha; cây công nghiệp dài ngày: 45,964 ha; rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 79,986 ha; nuôi trồng thủy sản: 1,957 ha; tiêu thoát nước: 173,355 ha);

– **Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông:** **820,098 ha** (lúa: 12,594 ha; cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả...: 38,449 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 5,325ha; nuôi trồng thủy sản: 5,393 ha; tiêu thoát nước: 758,337 ha).

– **Công trình thủy lợi bờ hữu sông Sài Gòn huyện Củ Chi từ Tỉnh lộ 8 đến rạch Tra (Bắc rạch Tra):** 1.552,881 ha (lúa: 4,770 ha; cây công nghiệp dài ngày: 403,207 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 372,026 ha; nuôi trồng thủy sản: 10,181 ha; tiêu thoát nước: 762,697 ha);

– Hiện nay trên khu vực đã thu hoạch **2.907,6 ha** lúa trong đó CTTL kênh Đông Củ Chi: 2.884,3 ha (xã Thái Mỹ: 1.764,4 ha; Nhuận Đức: 613,4 ha; Tân An Hội: 275,3 ha, xã Củ Chi: 48,6 ha, An Nhơn Tây: 182,6 ha), CTTL AP-PMH: 0,3 ha, CTTL Láng The – Sông Lu: 3,3 ha, CTTL Tân Thạnh Đông: 11,1 ha, CTTL Cây Xanh – Bà Bép: 8,3 ha, CTTL Bắc rạch Tra: 0,3 ha và **279,1 ha** rau màu.

2. Khu vực thành phố Thủ Đức (cũ): 3.233,877 ha;

3. Hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: **6.181,238 ha** (lúa: 381,312 ha; cây công nghiệp dài ngày: 1.532,297 ha; rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 137,640 ha; nuôi trồng thủy sản: 54,473 ha; tiêu thoát nước: 4.0758,516 ha);

4. Khu vực Nam rạch Tra: **3.676,252 ha** (cây công nghiệp dài ngày: 284,670 ha; rau,màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 321,548 ha; nuôi trồng thủy sản: 20,960 ha; tiêu thoát nước: 3.049,074 ha).

II. TÌNH HÌNH XUỐNG GIỒNG VỤ ĐÔNG XUÂN năm 2025-2026

Hiện nay khu vực Củ Chi xuống giồng **1.193,8** ha lúa (CTTL KĐCC: 1.189,0 ha, xã Thái Mỹ: 618,3 ha, xã Nhuận Đức: 231,1ha, xã Tân An Hội: 78,1 ha, xã Củ Chi: 239,3 ha; xã An Nhơn Tây: 22,2 ha, CTTL TT-BS: 4,8 ha, và 436,5 ha rau màu).

III. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CDK N25 từ ngày 13/12/2025 đến ngày 19/12/2025: 7.611.336 m³, cụ thể:

Ngày	K34				N25		
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
13/12/2025	13,65	13,34	0,8	9,21	796.075	2,51	217.027
14/12/2025	13,76	13,45	0,9	10,42	900.523	3,03	261.744
15/12/2025	13,35	13,10	0,90	9,36	808.693	2,73	235.933
16/12/2025	13,56	13,20	0,90	11,23	970.432	2,62	226.677
17/12/2025	13,56	13,26	0,90	10,25	885.879	2,51	217.027
18/12/2025	13,74	13,44	0,9	10,25	885.879	3,03	261.744
19/12/2025	13,40	13,18	0,90	8,78	758.622	2,14	185.081
Tổng cộng					6.006.103		1.605.233

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 13/12/2025 đến 19/12/2025 là **419,02** triệu m³, bằng 92,36% so cùng kỳ và bằng 111,44% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 318,41 triệu m³, K0 – N25: 100,61 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (42,7÷59,9) NTU và pH dao động từ (7,42÷7,84).

3. **Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (23,65÷23,74) m.

Ngày/tháng	Mức nước năm 2025 (m)	Mức nước năm 2024 (m)
13/12/2025	23,74	23,77
14/12/2025	23,73	23,80
15/12/2025	23,73	23,82
16/12/2025	23,71	23,83
17/12/2025	23,70	23,82
18/12/2025	23,68	23,81
19/12/2025	23,65	23,81

4. Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2025 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	8	1.803
2	N25-2	5	1.706
3	N31A (K0)	2	1.384
4	Trung An	17	1.629
5	K9-N46	23	1.900
6	An Phú		1.542
7	Thai Thai - Bến Súc	4	1.302
8	Xí nghiệp HM-BC	24	2.205
9	Cụm T10	44,5	1.975
10	Cụm kênh C		1.967
11	Gò Dưa	3	1.983
12	Ba Thôn	8	1.964
13	Ông Đụng	8	2.045

5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Công Gò Dưa : + 1,48 m
- + Công Ba Thôn : + 1,45 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,27 m
- + Công kênh C : + 1,48 m
- + Công An Hạ : + 1,29 m

– Chất lượng nước:

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 18/12/2025		Độ mặn (2024) Ngày 19/12/2024	
		PS	PD	PS	PD	PS	PD
1	Công Tân Kiên	6,97	6,89	1,1	0,4	1,7	0,8
2	Công kênh C	6,86	6,69	0,8	0,4	1,4	0,6
3	Công kênh B	6,50	6,67	0,6	0,3	1,1	0,5
4	Công kênh A	6,74	6,65	0,5	0,2	0,8	0,4
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,67		0,4		0,6	
6	Công cuối kênh Ranh	6,64		0,3		0,4	
7	Công An Hạ	6,55		0,2		0,3	
8	Công T10	6,60				0,2	

III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức (Cũ): Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.